



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

# **THÔNG BÁO**

## **KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VII/2016**



**HÀ NỘI, THÁNG VIII/2016**

## LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2016.....	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ .....	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ .....	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên .....	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2016.....	14
1. Đối với cây lúa .....	15
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp .....	17
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, VIII, IX/2016 .....	20
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ .....	20
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	21

# I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VII/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VII/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ( $0,2^{\circ}\text{C}$  đến  $2,0^{\circ}\text{C}$ ) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 398mm đến 213mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -74 giờ đến 88 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VII/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

## 1. Vùng Tây Bắc

### 1.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ  $0,4$  đến  $1,5^{\circ}\text{C}$ ; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ  $20,7^{\circ}\text{C}$  đến  $29,8^{\circ}\text{C}$  (hình 10).

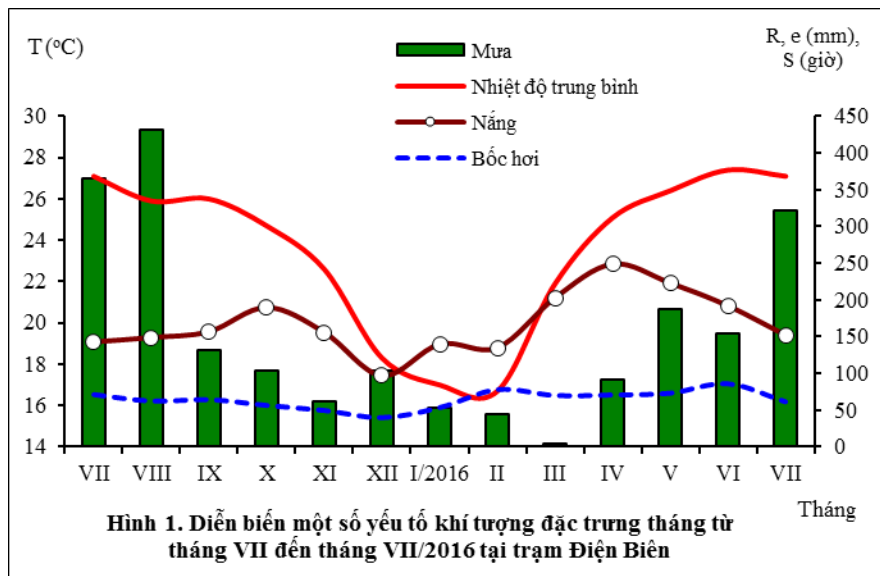
- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng

phổ biến từ  $18,6^{\circ}\text{C}$  đến  $26,9^{\circ}\text{C}$ , giá trị thấp nhất là  $16,6^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 25/VII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ  $24,6^{\circ}\text{C}$  đến  $34,9^{\circ}\text{C}$ , giá trị cao nhất là  $39,2^{\circ}\text{C}$  xảy ra vào ngày 10/VII tại Hòa Bình. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VII/2015 đến tháng VII/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

### 1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Điện Biên

xung quanh giá trị TBNN (-398mm đến 159mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 102mm đến 458mm, thấp nhất là 65mm tại Sông Mã.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 16mm đến 135mm, cao nhất là 245mm vào ngày 28/VII tại Chi Nê.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 đến 26 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 6 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VII/2015 đến tháng VII/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

### ***1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Số giờ nắng tháng VII/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -11 giờ đến 40 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 115 giờ đến 220 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2016 dao động từ 74% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -10% đến -2%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 37% xảy ra vào ngày 27/VII tại Sông Mã.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VII/2016 có giá trị phổ biến từ 37mm đến 125mm. Lượng bốc hơi tháng ở mức dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-379mm đến 57mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 8mm.

### ***1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 17 ngày, trong đó nhiều nơi có từ 1 đến 6 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 6 đến 19 ngày.

## **2. Vùng Việt Bắc**

### ***2.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nền nhiệt độ không khí tháng VII/2016 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,8<sup>0</sup>C đến 1,9<sup>0</sup>C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

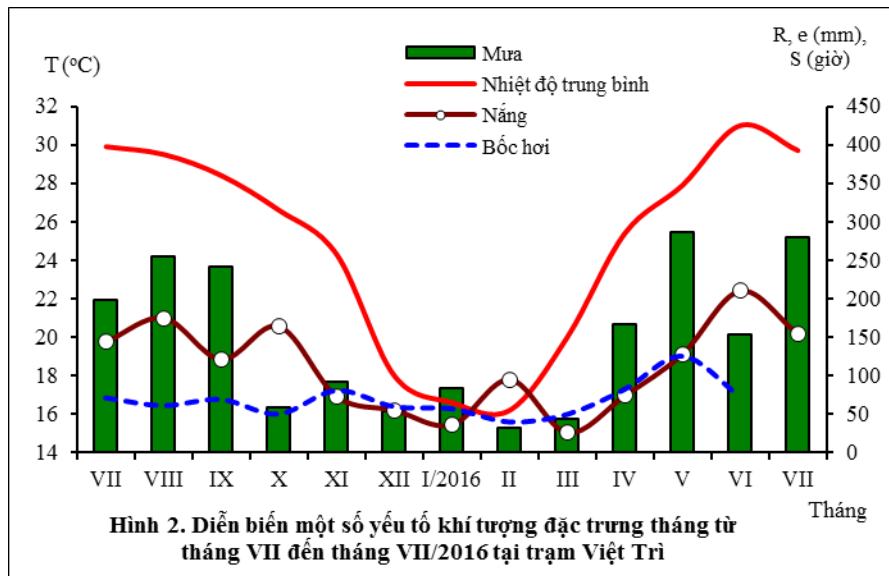
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 20,8<sup>0</sup>C đến 30,4<sup>0</sup>;

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 18,6<sup>0</sup>C đến 27,5<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 28/VII tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 23,7<sup>0</sup>C đến 35,0<sup>0</sup>C, nhiệt độ không khí cao nhất là 38,7<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 15/VII tại Thái Nguyên.

## 2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 185mm đến 545mm; Cao nhất là 957mm tại Bắc Quang. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-233mm đến 92 mm). Diễn



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Việt Trì

biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VII/2015 đến tháng VII/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 44mm đến 136mm, cao nhất là 323mm xảy ra vào ngày 2/VII tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 10 - 27 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày.

## 2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 111 giờ đến 220 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-52 giờ đến 88 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2016 phổ biến từ 76 đến 87%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-7% đến -2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 43%, xảy ra vào ngày 15/VII tại Thái Nguyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 49mm đến 133mm, và có giá trị ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-893mm đến -29mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 7mm.

## 2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày với 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 20

ngày.

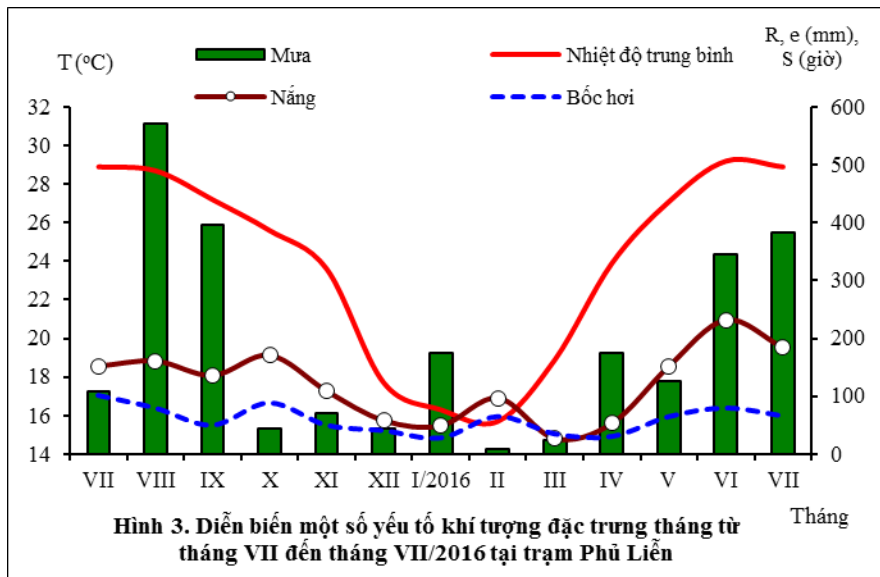
### 3. Vùng Đông Bắc

#### 3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,5 đến 1,4<sup>0</sup>C); có giá trị dao động từ 27,1<sup>0</sup>C đến 30,3<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 31,7<sup>0</sup>C đến 35,4<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 10/VII tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 24,1<sup>0</sup>C đến 27,3<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,0<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 31/VII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Phù Liên

#### 3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VII/2016 dao động phổ biến từ 120mm đến 689mm, cao nhất là 1036mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-137mm đến 166mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 24 đến 263mm, cao nhất là 291mm xảy ra vào ngày 1/VII tại Móng Cái.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 14 - 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

#### 3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VII/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-74 giờ đến 56 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 144 giờ đến 198 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VII/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 80 đến 89%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-2% đến 3%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 39% xảy ra vào ngày 26/VII tại Cao Bằng.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 60mm đến 106mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-550mm đến -37mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 3 - 7mm (hình 14).

### 3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 2 đến 15 ngày, trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 6 đến 18 ngày.

## 4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

### 4.1. Diễn biến nhiệt độ

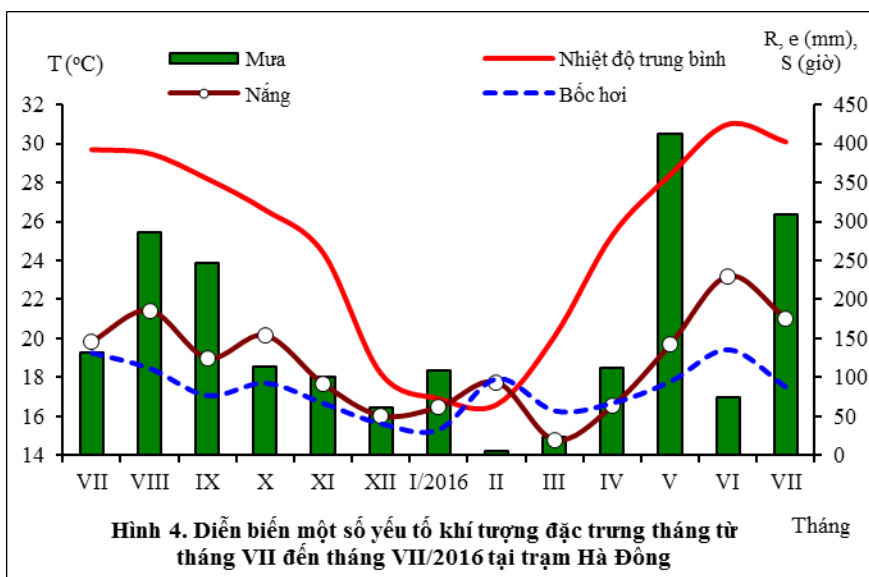
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 29,7<sup>0</sup>C đến 30,7<sup>0</sup>C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,7<sup>0</sup>C đến 1,8<sup>0</sup>C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 32,3<sup>0</sup>C đến 35,0<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 39,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 6/VII tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,5<sup>0</sup>C đến 28,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 28/VII tại Nam Định. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

### 4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Hà Đông



giá trị TBNN từ (-42mm đến 213mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 215mm đến 415mm, cao nhất là 447mm tại Thái Bình.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 92 đến 207mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 4 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

#### ***4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng***

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 132 giờ đến 198 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -72 giờ đến -12 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 74% đến 83%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-10% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 26/VI tại Hưng Yên.

- Lượng bốc hơi vùng đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 62mm đến 120mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 6mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -340mm đến -127mm.

#### ***4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt***

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 12 ngày, với từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 6 đến 14 ngày;

### **5. Vùng Bắc Trung Bộ**

#### ***5.1. Diễn biến nhiệt độ***

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,7<sup>0</sup>C đến 1,8<sup>0</sup>C (hình 10) và có giá trị từ 28,6<sup>0</sup>C đến 31,1<sup>0</sup>C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 33,8<sup>0</sup>C đến 36,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 40,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 17/VII tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,1<sup>0</sup>C đến 27,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 24/VII tại Quỳnh Châu. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

#### ***5.2. Diễn biến về mưa***

- Trong tháng VII/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 22mm đến 209mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn

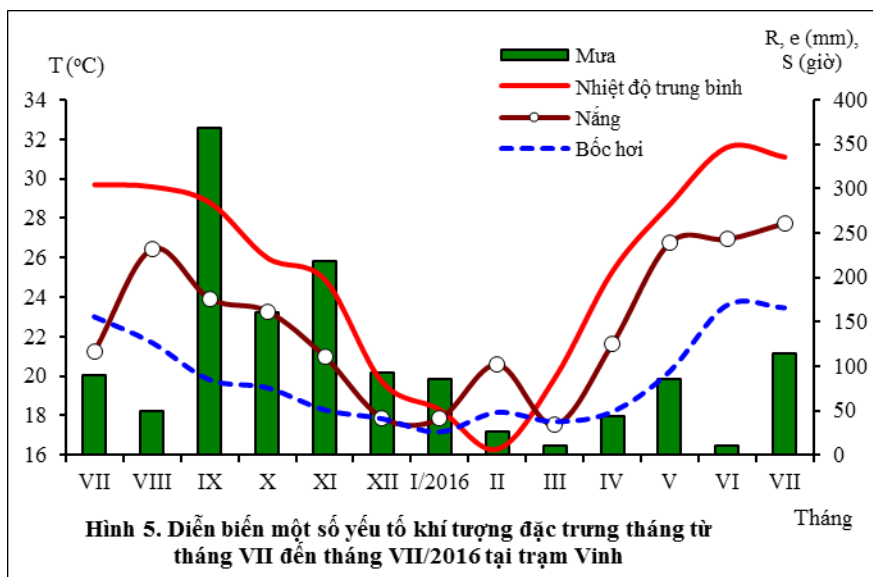
giá trị TBNN từ (-138mm đến -20mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 7 đến 66mm, cao nhất là 89mm, xảy ra vào ngày 6/VII tại Hội Xuân.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 5 - 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 19 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

### 5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 206 đến 276 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10 giờ đến 64 giờ, hình 12).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Vinh

- Độ ẩm không khí trung bình tháng

phổ biến từ 71% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 5%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 35% xảy ra vào ngày 18/VII tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 68mm đến 168mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 10mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-146mm đến 141mm).

### 5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 22 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 13 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 16 ngày.

## 6. Vùng Trung Trung Bộ

### 6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2016 từ 25,3°C đến 30,5°C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3°C đến 0,9°C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho

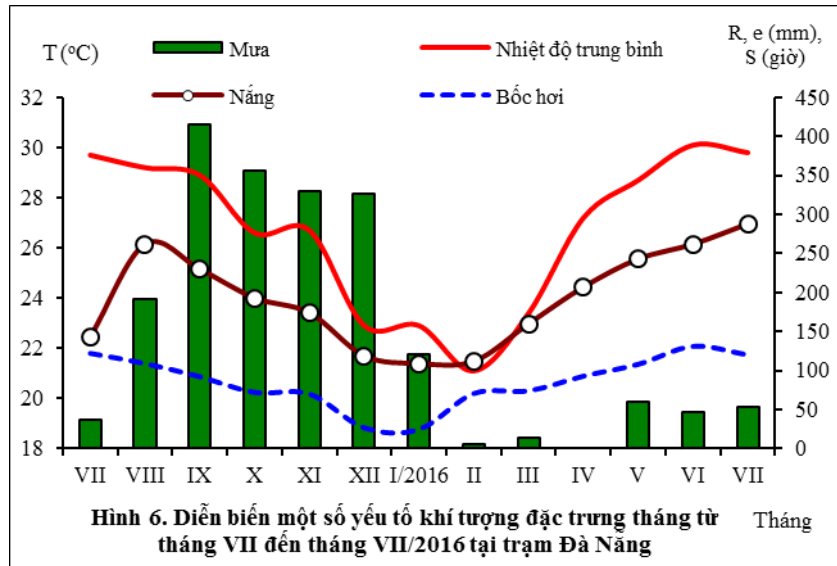
Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,0°C đến 35,5°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 39,2°C xảy ra vào ngày 18/VII tại Ba Đồn.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,7°C đến 27,6°C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 19,8°C xảy ra vào ngày 29/VII tại A Lưới.

### 6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VII/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 54mm đến 290mm, một số khu vực lượng mưa thấp chỉ từ 5 - 20mm như Đồng Hới, Ba Đồn. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-74mm đến 70mm).



Hình 6. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Đà Nẵng

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 5mm đến 62mm, cao nhất là 90mm xảy ra vào ngày 6/VII tại Nam Đông.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 1 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 25 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

### 6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 196 giờ đến 335 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-10 giờ đến 55 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 71% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 3% đến 7%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 23/VII tại Tuyên Hóa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 59mm đến 157mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-145mm đến 188mm).

### 6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

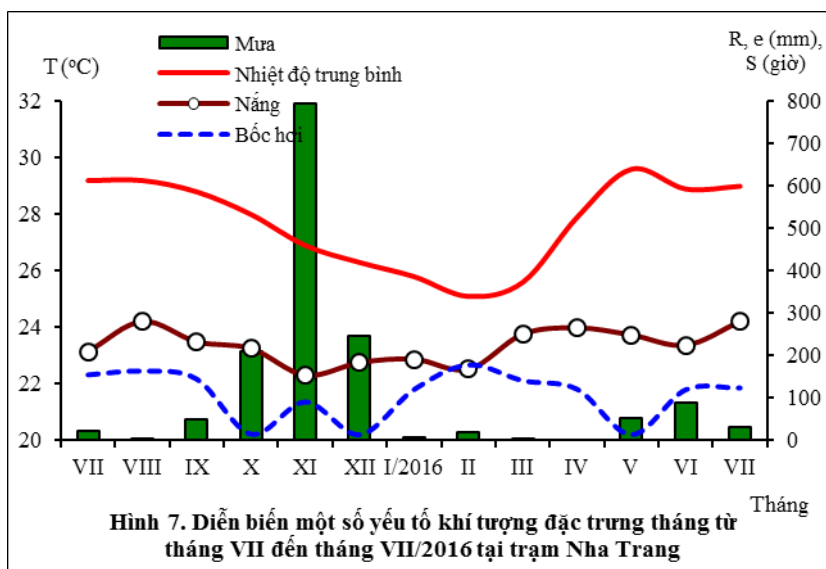
- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu như nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 16 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 4 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 19 ngày.

## 7. Vùng Nam Trung Bộ

### 7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2016 từ 27,7<sup>0</sup>C đến 30,0<sup>0</sup>C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5 đến 2,0<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,5<sup>0</sup>C đến 35,5<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 38,1<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 4/VII tại Quy Nhơn.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Nha Trang

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 25,0<sup>0</sup>C đến 27,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,6<sup>0</sup>C, xảy ra vào ngày 28/VII tại Hàm Tân. Biên trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

### 7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VII/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 5mm đến 185mm, cao nhất là 306mm tại Hàm Tân. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -50mm đến 81mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 4mm đến 62mm, cao nhất là 76mm, xảy ra vào ngày 28/VII tại Hàm Tân.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 3 đến 29 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 3 đến 24 ngày.

### 7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 232 giờ đến 309 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (20 giờ đến 60 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 72% đến 85%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -3 đến 8%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 41% xảy ra vào ngày 3/VII tại Quy Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 91mm đến 149mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 9mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-144mm đến 60mm).

#### 7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 4 đến 17 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 3 ngày có cường độ mạnh;

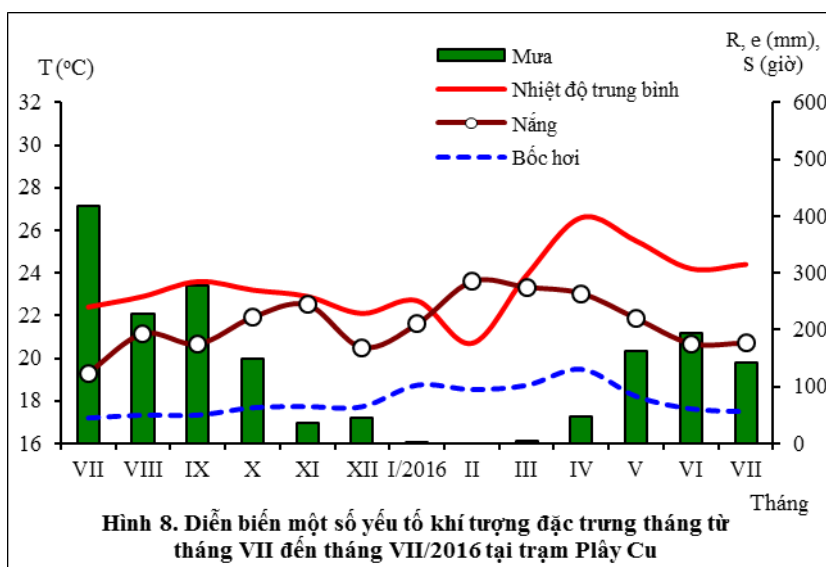
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 13 ngày.

### 8. Vùng Tây Nguyên

#### 8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2016 từ 19,4<sup>0</sup>C đến 28,1<sup>0</sup>C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5<sup>0</sup>C đến 2,0<sup>0</sup>C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 24,1<sup>0</sup>C đến 33,4<sup>0</sup>C; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,5<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 7/VII tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 16,4<sup>0</sup>C đến 24,8<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 14,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 21/VII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

#### 8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VII/2016 dao động từ 49mm đến 295mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -310mm đến -20mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 13mm đến 77mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 10 đến 26 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 13 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

### **8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng**

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2016 phổ biến từ 126 giờ đến 267 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-10 giờ đến 68 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-2% đến -4%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 76% đến 90%; độ ẩm không khí thấp nhất là 47% xảy ra vào ngày 14/VII tại M'drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 35mm đến 104mm, cao nhất là 135mm tại An Khê. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-353mm đến -45mm).

### **8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt**

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 2 đến 16 ngày.

## **9. Vùng Nam Bộ**

### **9.1. Diễn biến nhiệt độ**

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VII/2016 từ 26,7<sup>0</sup>C đến 28,9<sup>0</sup>C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,2<sup>0</sup>C đến 1,6<sup>0</sup>C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,3<sup>0</sup>C đến 34,2<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,6<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 14/VII tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,5<sup>0</sup>C đến 26,9<sup>0</sup>C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,8<sup>0</sup>C xảy ra vào ngày 30/VII tại Xuân Lộc. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

### **9.2. Diễn biến về mưa**

- Tổng lượng mưa tháng VII/2016 dao động phổ biến từ 130mm đến 432mm, thấp nhất là 50mm tại Mộc Hóa; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-105 giờ đến 153 giờ).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 17mm đến 85mm, cao nhất là 102mm xảy ra vào ngày 27/VII tại Côn Đảo.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 16 đến 27 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 15 ngày.

### 9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VII/2016 phổ biến từ 155 giờ đến 240 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-18 giờ đến 41 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến

88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 2%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 5/VII tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 50mm đến 100mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-355mm đến -40mm).

### 9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

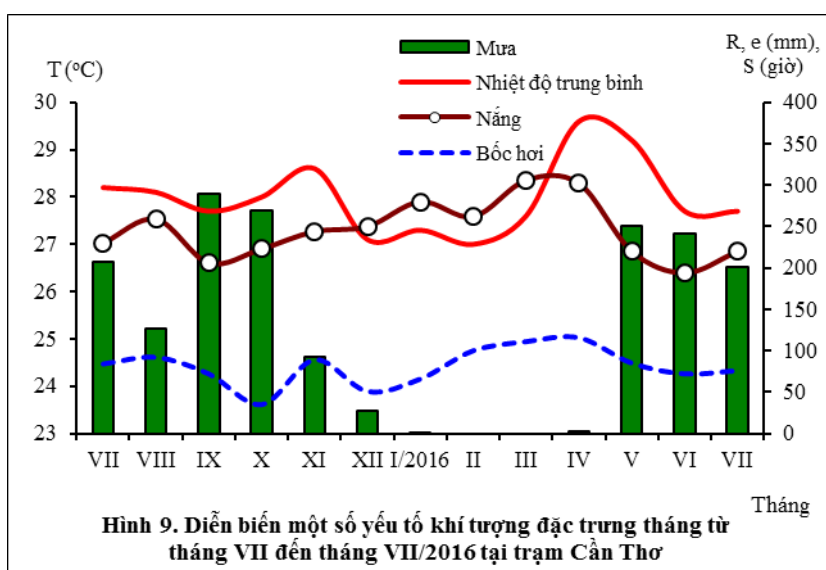
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 16 đến 27 ngày.

## II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VII/2016

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng VII/2016 ở hầu hết các địa phương của nước ta nhìn chung không thực sự thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Nền nhiệt tuy cao hơn TBNN nhưng các yếu tố khác như lượng mưa, độ ẩm, số giờ nắng xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN.

Tháng VII là tháng mùa mưa, bão ở các tỉnh phía Bắc tuy nhiên số ngày



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VII đến tháng VII/2016 tại trạm Cần Thơ

mưa nhiều, lượng mưa ở hầu hết các vùng đều thấp hơn TBNN đặc biệt là khu vực miền Trung và Tây Nguyên do ảnh hưởng của gió tây khô nóng làm thời tiết nóng bức, lượng bốc hơi cao hơn lượng mưa, dẫn đến tình trạng thiếu nước cho sản xuất nông nghiệp.

Điểm nổi bật trong tháng là ảnh hưởng liên tiếp của 2 cơn bão số 1 và số 2 vào cuối tháng VII, đầu tháng VIII đã gây thiệt hại nặng nề cho sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh đồng bằng, trung du miền núi phía Bắc.

Hoạt động sản xuất của lĩnh vực trồng trọt trong tháng 7 là tập trung gieo cấy lúa mùa ở các tỉnh phía Bắc, chăm sóc lúa hè thu và thu hoạch lúa hè thu sớm ở các tỉnh phía Nam đồng thời gieo trồng lúa thu đông ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Tại các tỉnh miền Bắc đang tập trung vào việc gieo cấy và chăm sóc lúa mùa. Tính đến cuối tháng diện tích gieo cấy toàn miền đạt 854 ngàn ha, bằng 92,2% cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam đã gieo cấy lúa hè thu đạt 1.852,2 ngàn ha, bằng 94,8% so với cùng kỳ năm trước. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch lúa hè thu đạt gần 661 ngàn ha, chiếm 35,7% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 648 ngàn ha, bằng 40,5% diện tích xuống giống. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch của các tỉnh miền Nam đạt 59,1 tạ/ha..

### **1. Đối với cây lúa**

+ Lúa mùa: Tính đến cuối tháng 7, cả nước đã gieo cấy đạt 1.037 ngàn ha lúa mùa, bằng 93,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với diện tích gieo cấy đạt 854 ngàn ha, bằng 92,2% cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam cũng đã xuống giống đạt 182,7 ngàn ha, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu tại các tỉnh thuộc địa bàn Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

+ Lúa hè thu: Tính đến cuối tháng, tổng diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2008 ngàn ha, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam đạt 1.852,2 ngàn ha, bằng 94,8% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt gần 1.600 ngàn ha, bằng 80,5% so với cả nước. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt gần 661 ngàn ha, chiếm 35,7% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 648 ngàn ha, bằng 40,5% diện tích xuống giống. Năm nay thời tiết tiếp tục diễn biến phức tạp và bất thường, nắng nóng khô hạn xảy ra trên diện rộng, nhiệt độ cao kéo dài, mực nước các sông suối đều giảm mạnh, gây khó khăn cho công tác gieo trồng cũng như chăm sóc lúa hè thu trên cả nước. Năng suất ước tính bình quân trên diện



tích thu hoạch đến thời điểm này của các tỉnh phía Nam đạt khoảng 59,1 tạ/ha, cao hơn cùng kỳ năm trước khoảng 1 tạ/ha.

+ Lúa thu đông: Tính đến cuối tháng các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt gần 390 ngàn ha lúa thu đông, cao hơn 56 ngàn ha tương ứng 16,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Diện tích lúa thu đông năm nay tập trung nhiều ở các tỉnh Đồng Tháp, Cần Thơ, Kiên Giang, Hậu Giang và Long An. Một số địa phương khuyến cáo nông dân chỉ xuống giống trong vùng đê bao đảm bảo vượt lũ an toàn, đảm bảo thời gian cách ly giữa các vụ. Hiện lúa thu đông đang ở giai đoạn mạ, đẻ nhánh đến làm đòng, sinh trưởng và phát triển khá.

Ở Miền Bắc, cơn bão số 1 và số 2 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp. Trong đó:

- Bão số 1 (tên quốc tế Mirinae) đã đổ bộ vào các tỉnh Đồng bằng Bắc Bộ đã gây mưa to đến rất to. Do ảnh hưởng của bão số 1, ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình đã có gió mạnh cấp 8-9, vùng ven biển cấp 10, gió giật mạnh cấp 10-13. Từ đêm 27, rạng sáng 28/7 ở các tỉnh ven biển Đông Bắc và Đồng Bằng Bắc Bộ có mưa to đến rất to với lượng mưa từ 50 - 150mm, một số nơi có mưa lớn hơn như Nam Định 160mm, Ninh Bình 210mm, Thái Bình 200mm, Tam Đảo (Vĩnh Phúc) 180mm, Hưng Yên 155mm, Chi Nê (Hòa Bình) 220mm,... đã làm 216.194 ha lúa bị ngập; trong đó, có 54.802 ha bị thiệt hại và 17.575 ha mất trắng; rau màu bị hư hại 28.372 ha; 587.402 con gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi; 22.744 ha và 302 lồng bè nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại

+ Tại Hà Nội: Theo báo cáo nhanh của Sở Nông nghiệp & PTNT Hà Nội diện tích lúa bị ngập 2.615 ha trong đó có 45ha lúa bị ngập trắng tại huyện Ba Vì; cây ăn quả bị ngập 10ha, bị gãy, rụng 692ha; rau bị ngập 94,2ha, rau bị dập nát 522,52ha; ngô bị đổ gãy 266,2ha; cây đậu tương bị dập nát 3ha; cây sắn bị dập nát 119ha; hoa bị ngập 19,3ha, bị dập nát 5ha.

+ Nam Định: có 74.100 ha lúa ở 220 xã bị ngập úng, hơn 8.500 ha hoa màu khác bị dập nát, nhiều hộ gia đình nuôi trồng thủy hải sản có nguy cơ trắng tay sau bão số 1

+ Ninh Bình: mưa lớn đang gây ngập úng trên 34.000ha lúa, hàng nghìn héc ta hoa màu bị bão vùi dập

+ Thái Bình mưa lớn và kéo dài đã khiến 39.300 ha diện tích lúa bị ngập úng,

+ Hà Nam: làm gần 28.500 ha lúa bị ngập, trong đó có 12.903 ha lúa bị ngập trắng; diện tích hoa màu bị đổ gãy và dập nát là gần 3.000ha; hơn 9.100 cây xanh, cây ăn quả bị đổ

- Bão số 2 tuy không đổ bộ trực tiếp vào Việt Nam nhưng gây mưa lớn ở các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc như: Lào Cai, Bắc Cạn, Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Giang... Con bão số 2 cũng gây thiệt hại khoảng 10.226 ha lúa và 1.114 ha hoa màu; 463 con gia súc; 1.733 con gia cầm; 1.027 ha nuôi trồng thủy sản...

**Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VII/2016**

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Khá	Quá ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa mùa cấy, bén rễ hồi xanh			
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	Khá	4cm	
6		Lạng Sơn	Lúa đông xuân thu hoạch	TB	4cm	
7			Lúa mùa lá thứ 5			
8			Ngô chín hoàn toàn, thu hoạch	Khá	TB	
9		Bắc Giang	Lúa mùa bén rễ hồi xanh, đẻ nhánh	Khá	3cm	
10	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật 1	TB	Ẩm	
11		Ba Vì	Chè lớn lá thật 1	TB	Ẩm	
12	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
13		Hoài Đức	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	Khá	15cm	
14			Ngô lá thứ 7	Khá	Quá ẩm	
15			Lạc củ già	TB	Quá ẩm	
16			Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
17		Hải Dương	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB		
18		Hưng Yên	Lúa mùa cấy	Khá	3cm	
19		Nam Định	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
20		Ninh Bình	Lúa mùa cấy, bén rễ hồi xanh	TB	3cm	
21		Thái Bình	Lúa mùa bén rễ hồi xanh	TB	4cm	
22	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Lạc mới trồng		Ẩm	
23			Đậu tương mọc mầm	TB	Ẩm	
24		Thanh Hoá	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	3cm	

25		Quỳnh Lưu	Lúa đẽ nhánh - mọc dón	TB	14cm	
26		Đô Lương	Lúa mùa đẽ nhánh	TB	3cm	
27	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu mọc dón	TB	4cm	
28	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu mọc dón	Khá	3cm	
29		An Nhơn	Lúa hè thu ngâm sữa	Khá	4cm	
30	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt		
31	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	Quá ẩm	
32		Trà Nóc	Lúa hè thu đẽ nhánh	TB	10cm	
33		Mỹ Tho	Lúa hè thu mọc dón, trở bông	TB	3cm	
34		Bạc Liêu	Lúa hè thu mọc dón	Khá	4cm	

## 2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc gieo trồng thu hoạch lúa hè thu và gieo trồng lúa thu đông, mùa, các địa phương tiếp tục triển khai việc gieo trồng các cây màu lương thực khác. Tính đến cuối tháng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước ước đạt 1.374,2 ngàn ha, giảm 2,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích ngô đạt 831,1 ngàn ha, khoai lang đạt 93 ngàn ha. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày cả nước đạt gần 425 ngàn ha, giảm 15,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích lạc đạt 173,1 ngàn ha, diện tích đậu tương đạt gần 46 ngàn ha, thuốc lá đạt 17,4 ngàn ha, mía đạt gần 147,9 ngàn ha, và diện tích rau, đậu các loại 757,2 ngàn ha.

Tại Hoài Đức ngô ra lá thứ 7, sinh trưởng khá trên nền đất quá ẩm. Lạc đang thu hoạch. Còn cam ra lá mới, sinh trưởng trung bình.

Chè lớn búp hái ở Mộc Châu, sinh trưởng khá trên nền đất quá ẩm. Chè lớn lá thật 1 ở Phú Hộ, Ba Vì, sinh trưởng trung bình, trên nền đất ẩm.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên, sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc..

## 3. Tình hình chăn nuôi:

- Chăn nuôi trâu, bò: Trong tháng, thời tiết nắng nóng kéo dài, nền nhiệt tăng cao ảnh hưởng đến chăn nuôi châu bò, tuy nhiên người chăn nuôi đã chủ động chống nóng bằng nhiều hình thức khác nhau nên số đàn trâu, bò vẫn phát triển ổn định.

- Chăn nuôi lợn: Chăn nuôi lợn vẫn trên đà phát triển khá tốt do dịch lợn tai xanh không xảy ra, ước tính tổng số lợn cả nước tháng 7/ 2016 tăng khoảng 2,7-3,7% so với cùng kỳ năm 2015.

- Chăn nuôi gia cầm: Đàn gia cầm cả nước phát triển tương đối thuận lợi do không có dịch bệnh xảy ra. Ước tính tổng số gia cầm của cả nước tháng 7/2016 tăng khoảng 3- 3,5% so với cùng kỳ năm 2015.

#### **4. Tình hình sâu bệnh**

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, tháng VII không có diện tích mất trắng do dịch, tuy nhiên một số dịch phát sinh tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước và rải rác tại vùng ĐBSCL và các tỉnh phía Bắc, điển hình như: đạo ôn lá hại lúa tăng 34.786 ha, sâu cuốn lá nhỏ tăng 13.266 ha, ốc bươu vàng tăng 12.827 ha, các dịch còn lại hầu hết đều có phát sinh giảm.

Chi tiết một số sâu bệnh chính gây hại trên lúa trong tháng như sau:

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 29.126 ha, trong đó diện tích nhiễm nặng 912 ha. Dịch tập trung chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh Phía Bắc và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 32.018 ha, nặng 1.219 ha.

- Đạo ôn lá hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long. với tổng diện tích nhiễm 75.416 ha, diện tích nhiễm nặng 3.293 ha.

- Đạo ôn cổ bông hại chủ yếu tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 2.543 ha.

- Chuột: Tổng diện tích hại 6.910 ha, nặng 164 ha. Chuột hại tại các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 9.382 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Khô vằn: Bệnh xuất hiện ở các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 2.938 ha, nặng 51 ha.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 9.042 ha, nặng 32 ha, dịch tập trung tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Sâu đục thân: Diện tích nhiễm sâu non 1.670 ha, Sâu non gây hại chủ yếu tại Đồng Bằng Sông Cửu Long.

- Châu chấu tre lưng vàng hại lúa: Diện tích hại 159 ha trong đó 34 ha lúa nương ở Bắc Kạn; 118 ha lúa nương ở Sơn La; 7 ha lúa nước ở Sơn La.

- Nhện gié hại rải rác ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long với tổng diện tích 1.685 ha.

- Ốc bươu vàng hại lúa với diện tích 44.385 ha.

### **III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, VIII, IX/2016**

#### **3.1. Nhiệt độ**

Kết quả dự báo mùa 3 tháng VIII, IX, X năm 2016 cho thấy, trong mùa 3 tháng VIII-X/2016, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN từ 0,5 đến 1,5°C ở hầu hết diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến trên 77%.

#### **3.2. Lượng mưa**

Lượng mưa mùa VIII-X/2016 có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN trên đa phần diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến 77%. Ngược lại, lượng mưa thấp hơn TBNN ở khu vực Tây Bắc. Chuẩn sai lượng mưa mùa VIII-X/2016 được dự báo dao động từ 0 đến 600mm trên đa phần diện tích cả nước, từ -200 đến 0 ở khu vực Tây Nguyên.

#### **3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)**

Kết quả thống kê 3 tháng VIII-X trung bình thời kỳ 1971-2000 có khoảng 6 XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và có khoảng 4 cơn ảnh hưởng đến Việt Nam. Trung bình của thời kỳ 1971 – 2000 có khoảng 4 đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam trong 3 tháng VIII-X

### **IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ**

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VI và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng VII/2014 và dự báo khí hậu 3 tháng VIII, IX và X/2014 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

#### **1. Miền Bắc**

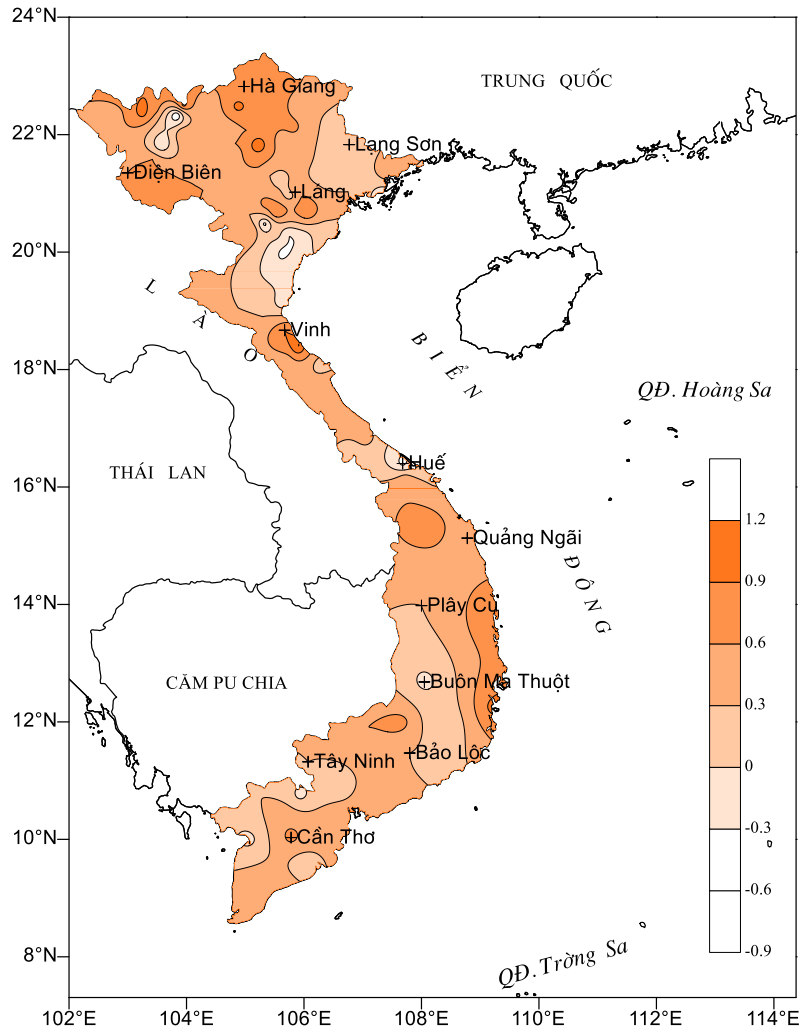
- Các tỉnh phía Bắc tập trung khắc phục hậu quả cơn bão số 1, 2
- Tích cực phòng chống hạn cục bộ ở một số khu vực trung du và miền núi phía Bắc.
- Tình hình khí tượng nông nghiệp trong tháng cơ bản thuận lợi cho thu hoạch lúa đông xuân và chuẩn bị gieo cấy lúa mùa do có nền nhiệt độ và số giờ nắng cao;

#### **2. Miền Nam**

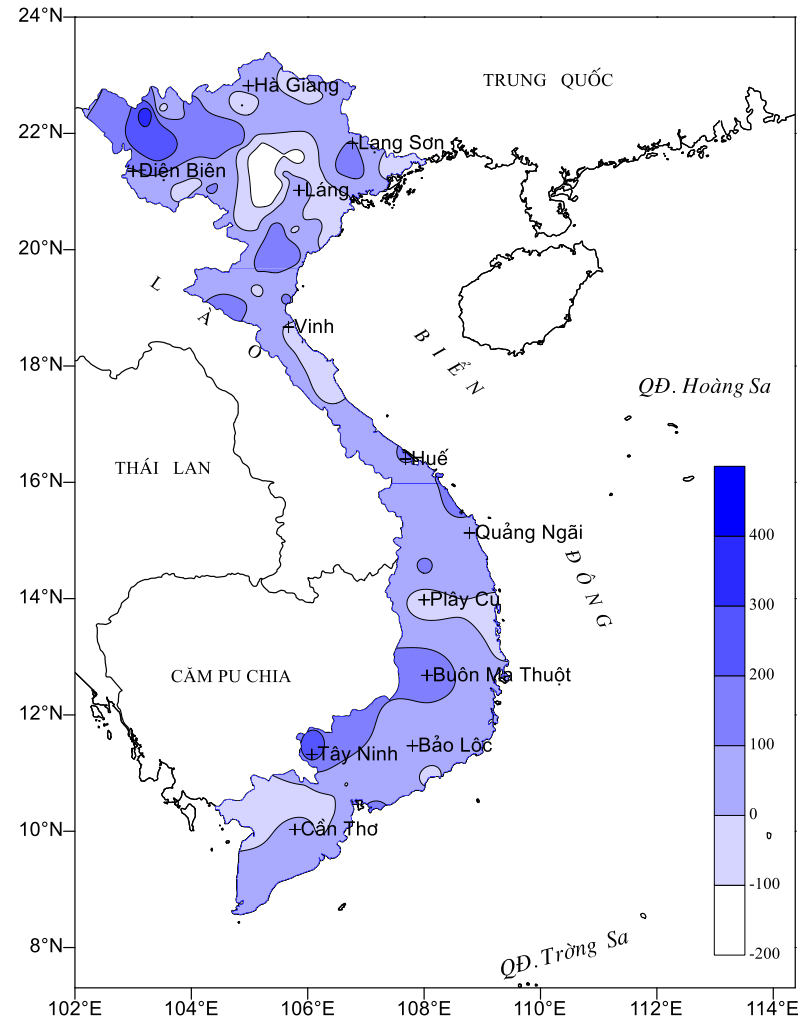
- Tập trung chăm sóc lúa hè thu đang trong giai đoạn đẻ nhánh;
- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.
- Trong những tháng tiếp theo, có khả năng lượng mưa thấp hơn TBNN, nên cần có sự chuẩn bị để đảm bảo nước cho lúa mùa và các loại cây rau màu.

## **V. TÀI LIỆU THAM KHẢO**

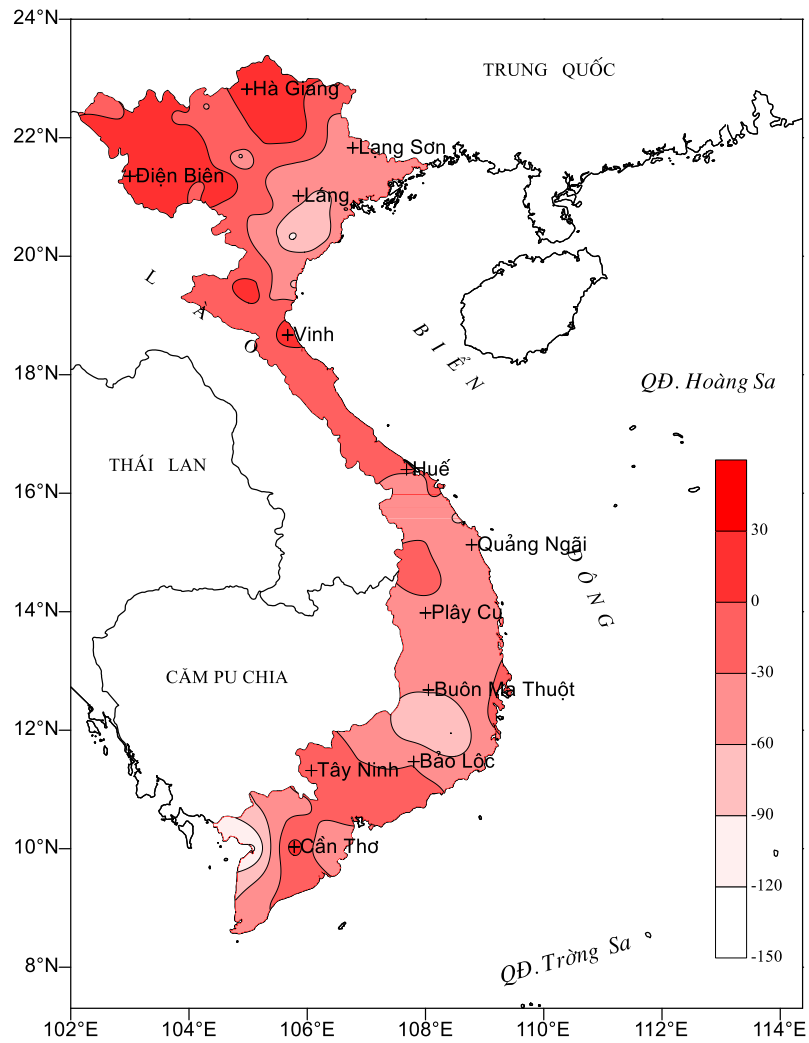
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng VIII, IX, X năm 2016;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng VIII năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VII năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



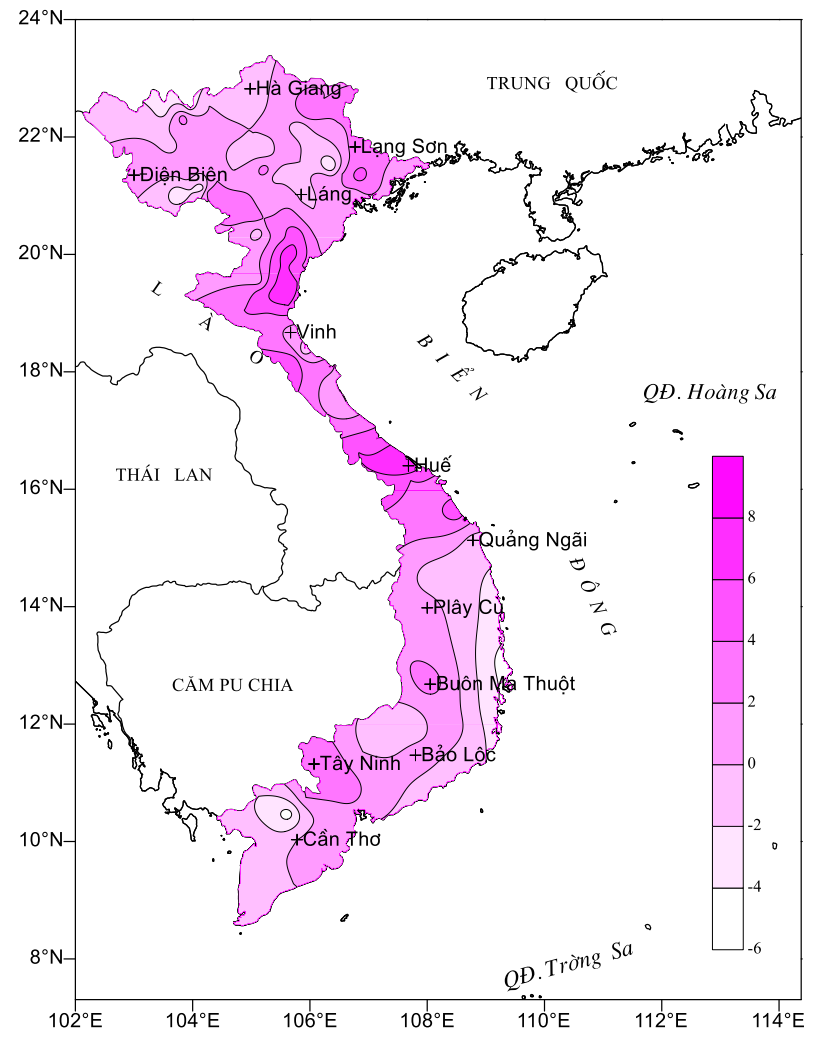
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VII/2016 so với TBNN (°C)



Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VII/2016 so với TBNN (mm)

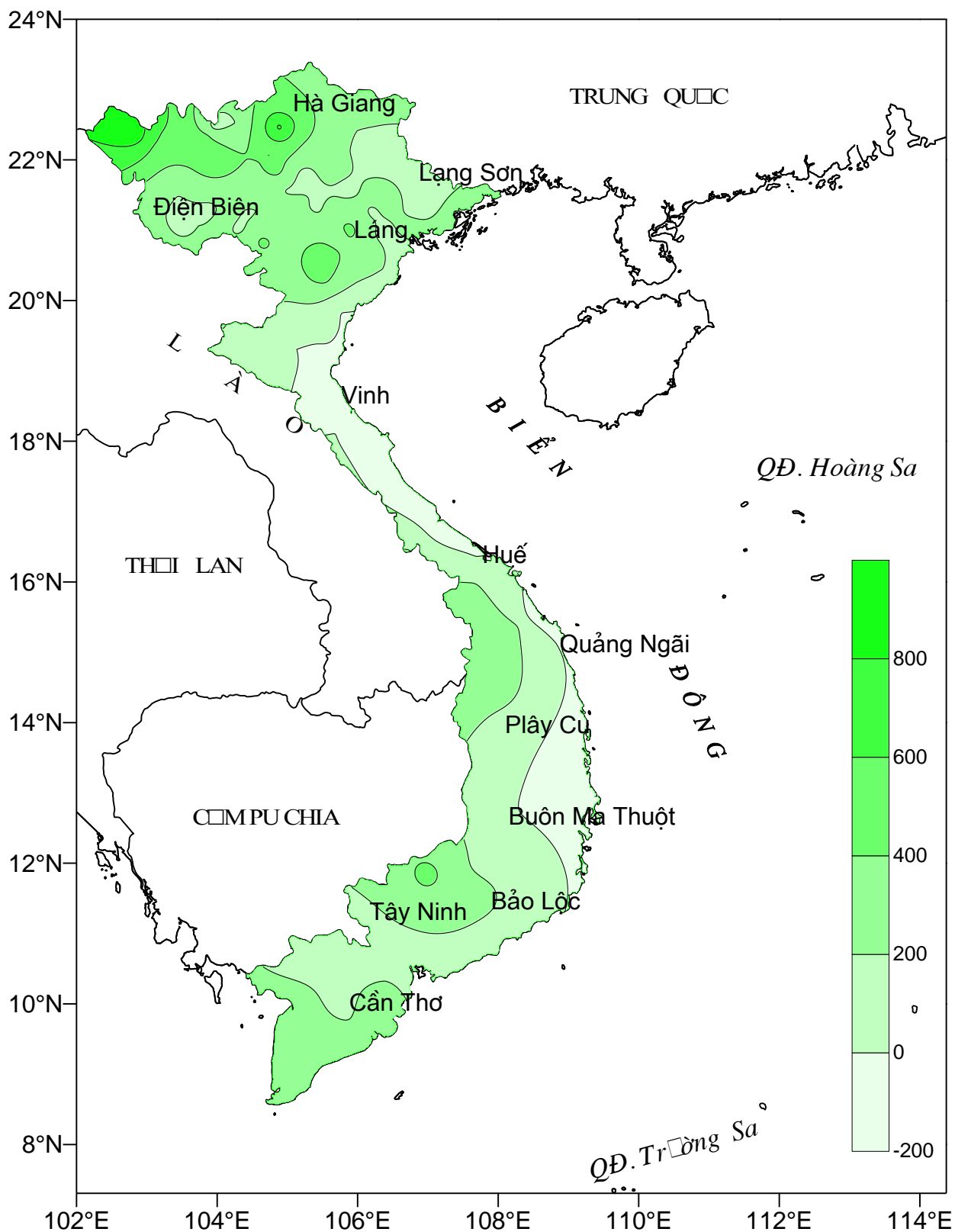


Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VII/2016 so với TBN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VII/2016 so với TBN (%)





**Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VII/2016 (mm)**